

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ Y TẾ SG NAM VIỆT NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ Y TẾ SG NAM VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SG SOUTHERN VIETNAM MEDICAL EQUIPMENT INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: SVINAMI., JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0106202454

**3. Ngày thành lập:** 10/06/2013

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 6A, phố Sơn Tây, Phường Điện Biên, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 04.37346762/63

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                              | Mã ngành |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Sản xuất sản phẩm chịu lửa                                                                             | 2391     |
| 2.  | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét                                                                  | 2392     |
| 3.  | Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao                                                                     | 2394     |
| 4.  | Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao                                               | 2395     |
| 5.  | Sản xuất sắt, thép, gang                                                                               | 2410     |
| 6.  | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                           | 2592     |
| 7.  | Trồng rừng và chăm sóc rừng                                                                            | 0210     |
| 8.  | Khai thác gỗ<br>(trừ các loại gỗ Nhà nước cấm)                                                         | 0221     |
| 9.  | Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét                                                                        | 0810     |
| 10. | Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản                                                | 1020     |
| 11. | Sản xuất vải dệt thoi                                                                                  | 1312     |
| 12. | Hoàn thiện sản phẩm dệt                                                                                | 1313     |
| 13. | In ấn<br>(trừ các loại hình Nhà nước cấm)                                                              | 1811     |
| 14. | Vận tải hành khách ven biển và viễn dương                                                              | 5011     |
| 15. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: cát, sỏi;                         | 4663     |
| 16. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh | 4741     |
| 17. | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                               | 4761     |

|     |                                                                                                                                                                            |             |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 18. | Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng<br>Chi tiết: Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa (trừ răng giả)                          | 3250        |
| 19. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                                 | 3312        |
| 20. | Xây dựng nhà các loại                                                                                                                                                      | 4100        |
| 21. | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ                                                                                                                                  | 4210        |
| 22. | Xây dựng công trình công ích                                                                                                                                               | 4220        |
| 23. | Chuẩn bị mặt bằng<br>(không bao gồm dò mìn và các loại tương tự tại mặt bằng xây dựng);                                                                                    | 4312        |
| 24. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                      | 4321        |
| 25. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                                                                            | 4322        |
| 26. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                             | 4330        |
| 27. | Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép<br>Chi tiết: Bán buôn hàng may mặc;                                                                                                   | 4641        |
| 28. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                        | 4651        |
| 29. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị y tế;                                                                              | 4659(Chính) |
| 30. | Vận tải hàng hóa đường sắt                                                                                                                                                 | 4912        |
| 31. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                             | 4933        |
| 32. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại<br>(Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật) | 8230        |
| 33. | Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí                                                                                                                              | 7721        |

**6. Vốn điều lệ:** 15.000.000.000 VNĐ  
**Mệnh giá cổ phần:** 1.000.000 VNĐ/Cổ phần

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông                                                                           | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức     | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NAM. ĐẠI DIỆN: NGUYỄN THANH BÌNH | Số 21, tổ 17, Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                  | Cổ phần phổ thông | 6.000      | 6.000.000.000         | 40        | 0104627846                                                                                  |         |
|     |                                                                                       |                                                                                          | Tổng số           | 6.000      | 6.000.000.000         | 40        |                                                                                             |         |
|     |                                                                                       |                                                                                          |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | TRỊNH THANH CHƯỜNG                                                                    | Phòng 418, Nơ 22 Pháp Vân, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 3.750      | 3.750.000.000         | 25        | 013410622                                                                                   |         |
|     |                                                                                       |                                                                                          | Tổng số           | 3.750      | 3.750.000.000         | 25        |                                                                                             |         |
|     |                                                                                       |                                                                                          |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 3   | VŨ THANH HƯƠNG                                                                        | E6, tổ 57, Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                     | Cổ phần phổ thông | 750        | 750.000.000           | 5         | 010058597                                                                                   |         |
|     |                                                                                       |                                                                                          | Tổng số           | 750        | 750.000.000           | 5         |                                                                                             |         |
|     |                                                                                       |                                                                                          |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 4   | NGUYỄN THỊ THU TRANG                                                                  | P4 TT khí tượng Thủy văn, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam   | Cổ phần phổ thông | 750        | 750.000.000           | 5         | 012908260                                                                                   |         |
|     |                                                                                       |                                                                                          | Tổng số           | 750        | 750.000.000           | 5         |                                                                                             |         |
|     |                                                                                       |                                                                                          |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 5   | TRẦN MINH QUỲNH DUNG                                                                  | Số 97, đường Bà Triệu, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam   | Cổ phần phổ thông | 3.750      | 3.750.000.000         | 25        | 012379028                                                                                   |         |
|     |                                                                                       |                                                                                          | Tổng số           | 3.750      | 3.750.000.000         | 25        |                                                                                             |         |
|     |                                                                                       |                                                                                          |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

## 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức | Loại cổ<br>phần | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ; giá trị<br>tương đương<br>bằng tiền nước<br>ngoài , nếu có) | Tỷ lệ<br>(%) | Số hộ chiếu<br>đối với cá<br>nhân; Mã<br>số doanh<br>nghiệp đối<br>với doanh<br>nghiệp; Số<br>Quyết định<br>thành lập<br>đối với tổ<br>chức | Ghi<br>chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|--------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|--------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

Họ và tên: TRỊNH NGỌC PHAN

Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị

Ngày sinh: 24/02/1982

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 012042968

Ngày cấp: 10/03/2010

Nơi cấp: Công an thành phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số 15, tổ 3, Phường Phương Liên, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại:

Số 15, tổ 3, Phường Phương Liên, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

#### 11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội